

9. DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 751 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 13 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách người có uy tín trong vùng đồng bào
dân tộc thiểu số tỉnh Bình Thuận năm 2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBND-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài Chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Công văn số 104/BDT-TT ngày 04 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 89 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bình Thuận năm 2015 (có danh sách cụ thể kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này được hưởng các chế độ, chính sách quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Thuận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. Ván 18b



CHỦ TỊCH

Lê Tiến Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DTTS TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 751 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ST T	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Tôn giáo	Nơi cư trú	Vị trí đang đảm nhiệm								Ghi chú
		Nam	Nữ				Già làng, Tộc trưởng	Trướ ng thôn, Tổ Tự quản	Cán bộ đã nghỉ hưu	Cán bộ, CC đang công tác	Chức sắc	Thầy cúng, thầy mo, bà bóng ...	Nhân sĩ, trí thức	Thành phần khác	
I	Huyện Tuy Phong: 06 vị														
1	Mang Dân (B)	1943		Raglay		Xã Phan Dũng								x	thay ông Hoàng Văn Tiến (mất)
2	Lượng Dư	1932		Chăm	Bàlamôn	T. Tuy Tịnh 2 - Phong Phú					x				
3	Mang Kiến	1970		Raglay		Thôn 3 - Phong Phú								x	
4	Lý Chanh	1949		Chăm	Bàlamôn	Thôn Lạc Trị - xã Phú Lạc								x	
5	Đoàn Thanh Tinh	1939		Chăm	Bàni	Thôn Vĩnh Hanh - Phú Lạc								x	
6	Mang Thị Bích		1970	Raglay		Thôn Vĩnh Sơn - xã Vĩnh Hảo								x	
II	Huyện Bắc Bình: 39 vị														
7	Huỳnh Thị Rừng		1948	Chăm	Bàlamôn	Thôn An Lạc - xã Bình An			x						
8	Ứng Koc Và	1951		Hoa		Thôn An Hòa - xã Bình An								x	thay ông Ôn Văn Dương (mất)
9	Nguyễn Ngư A	1932		Chăm	Bàlamôn	T. Lương Bắc - TT Lương Sơn	x								
10	Thanh Cư	1967		Chăm	Bàni	T. Cảnh Diễn - xã Phan Thanh								x	
11	Uế Diên Sinh	1945		Chăm	Bàlamôn	T. Tịnh Mỹ - xã Phan Thanh								x	
12	Xích Dự	1946		Chăm	Bàni	T. Thanh Kiết - xã Phan Thanh					x				
13	Thanh Bình	1943		Chăm	Bàni	T. Châu Hanh - xã Phan Thanh					x				
14	Huỳnh Thương	1944		Chăm	Bàlamôn	T. Trí Thái - xã Phan Thanh								x	
	Tồn Sở	1944		Chăm	Bàlamôn	T. Mai Lãnh - xã Phan Thanh	x								

16	Lý A Sáng	1956		Nùng		T. Thanh Bình - xã Phan Thanh							x		
17	Hoàng Trần Duyệt	1950		Nùng		T. Suối Nhum - xã Sông Lũy							x		
18	Lô A Phở	1962		Tày		T. Sông Khiêng - xã Sông Lũy								x	
19	Lý A Sy	1950		Nùng		Thôn 2 - xã Sông Lũy							x		
20	Me Quý Phương	1937		Tày		T. Tú Sơn - xã Sông Lũy								x	
21	Dường Chi Tổng	1937		Hoa		T. Hòa Bình - xã Sông Lũy								x	
22	Đặng Gấm	1944		Chăm	Bảni	T. Bình Thắng - xã Phan Hòa							x		
23	Thọ Nhất Định	1949		Chăm	Bảni	T. Bình Minh - xã Phan Hòa							x		
24	Văn Thương	1941		Chăm	Bảni	T. Bình Hòa - xã Phan Hòa							x		
25	Mang Tinh	1950		Raglay		TTQ I - xã Phan Lâm	x								
26	K' Luát	1940		Raglay		TTQ II - xã Phan Lâm	x								
27	Mang Cai	1949		Raglay		TTQ III - xã Phan Lâm	x								
28	Mang Đa	1954		Raglay		TTQ IV - xã Phan Lâm	x								
29	Bồ Xuân Hồ	1936		Chăm	Bàlamôn	T. Bình Tiến - xã Phan Hiệp							x		
30	Đặng Văn Lèo	1932		Chăm	Bàlamôn	T. Bình Đức - xã Phan Hiệp				x					
31	Đặng Cầu	1937		Chăm	Bàlamôn	T. Bình Hiếu - xã Phan Hiệp							x		
32	Mang Kỳ	1945		Raglay		T. Phú Điền - xã Phan Điền								x	
33	Mang Tha	1944		Raglay		T. Tân Điền - xã Phan Điền	x								
34	Ứng Nhộc Phí	1942		Hoa		T. Hải Lạc - xã Hải Ninh		x							
35	Hoàng Văn Quảng	1944		Tày		T. Hải Thủy - xã Hải Ninh							x		
36	Vòng Chay Lây	1957		Hoa		T. Hải Xuân - xã Hải Ninh								x	
37	Văn Dơi	1937		Raglay		T. Kà Lúc - xã Phan Sơn								x	
38	K' Pan	1947		Cờ ho		T. Tà Moon - xã Phan Sơn								x	
39	Pô Prông Siêu	1937		Cờ ho		T. Bon Thóp - xã Phan Sơn								x	
40	Lê Văn Sai	1949		Raglay		T. Kà Líp - xã Phan Sơn								x	
41	Lâm Chánh Văn	1958		Nùng		T. Đá Trắng - xã Sông Bình							x		
42	Phan Thanh Hợp	1957		Tày		T. Sông Bằng - xã Sông Bình			x						

43	Chu Nhật Sinh	1943	Tày		T. Bình Phụ - xã Sông Bình						x	
44	Mang Đồi	1952	Raglay		T. Tiến Đạt - xã Phan Tiến					x		
45	Mang Niêu	1940	Cờ ho		T. Tiến Thành - xã Phan Tiến					x		
III Huyện Hàm Thuận Bắc: 13 vị												
46	Bồ Rông Dem	1946	Cờ ho		Thôn 1 - xã La Dạ			x				thay ông Xam Giãm
47	Bồ Đàm Thép	1962	Cờ ho		Thôn 2 - xã La Dạ			x				
48	Ngô Văn Mít	1943	Cờ ho		Thôn 3 - xã La Dạ			x				thay ông K' Xiêm
49	K' Diêm	1953	Cờ ho		Thôn 1 - xã Đông Giang			x				
50	Hoàng Sơn Nê	1951	Cờ ho		Thôn 2 - xã Đông Giang			x				
51	K' Văn Sáu	1954	Cờ ho		Thôn 3 - xã Đông Giang			x				
52	K' Văn Đồn	1951	Cờ ho		Thôn 1 - xã Đông Tiến			x				
53	K' Văn Blar	1953	Cờ ho		Thôn 2 - xã Đông Tiến						x	
54	Trần Kiên	1941	Rai		T. Dân Hiệp - xã Thuận Hoà	x						
55	Mang Lai (Bo)	1957	Raglay		T. Ku Kê - xã Thuận Minh	x						
56	Khê Châu Xe	1958	Chăm	Bàni	T. Lâm Giang - xã Hàm Trí				x			
57	Thông Ná	1948	Chăm	Balamôn	T. Lâm Thuận - xã Hàm Phú						x	
58	Thông Khôi	1943	Chăm	Balamôn	Thôn 3 - Thị trấn Ma Lâm		x					
IV Huyện Hàm Thuận Nam: 08 vị												
59	Hoàng Văn Lức	1941	Rai		Thôn 1 - xã Mỹ Thạnh						x	
60	Huỳnh Văn Rum	1945	Rai		Thôn 2 - xã Mỹ Thạnh						x	
61	Nguyễn Văn Hai	1935	Rai		Thôn 1 - xã Hàm Cản	x						
62	Nguyễn Văn Đài	1938	Rai		Thôn 2 - xã Hàm Cản	x						
63	Nguyễn Văn Ly	1947	Rai		Thôn 3 - xã Hàm Cản						x	
64	Thông Minh Tim	1955	Chăm	Bàni	T. Hiệp Nghĩa - xã Tân Thuận						x	
65	Thông Sâm	1949	Chăm	Balamôn	T. Hiệp Phước - xã Tân Thuận	x						
66	Dinh Quang Minh	1956	H'Re		T. Lập Đức - xã Tân Lập						x	
V Huyện Hàm Tân: 04 vị												

